

Số: 606 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 8 năm 2026

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các đơn vị/ Quý công ty có năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp bơm và phụ kiện phục vụ công tác phòng chống mưa bão
- Số hiệu đơn hàng: 02-22062026/PVSX
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2026;
- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí tại Mục: Thông tin đấu thầu trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>);
- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2026;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở hồ sơ chào giá vào thời điểm và địa điểm nêu trên.

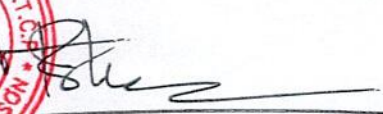
Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: [vinacomin.vn](http://vinacomin.vn) (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: [dienluctkv.vn](http://dienluctkv.vn) (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

  
Trần Việt Anh



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

## HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Cung cấp bơm và phụ kiện phục vụ công tác phòng  
chống mưa bão

Số hiệu đơn hàng: 02-22062026/PVSX

Phát hành ngày: ...11.../08/2026

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV  
GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Tuyên

4-001  
Y  
N  
TKV  
CÔNG  
T  
KV  
ANG

**GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

| <b>Từ/cụm từ</b> | <b>Giải nghĩa</b>                 |
|------------------|-----------------------------------|
| ĐLTKV            | Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP  |
| Bên mời chào giá | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV |
| HSMCG            | Hồ sơ mời chào giá                |
| HSCG             | Hồ sơ chào giá                    |
| VND              | Đồng Việt Nam                     |
| NCC              | Nhà cung cấp tham gia chào giá    |

## Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

### Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá rộng rãi
3. Tên Đơn hàng: Cung cấp bơm và phụ kiện phục vụ công tác phòng chống mưa bão
4. Số hiệu đơn hàng: 02-22062026/PV SX.
5. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

### Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), v.v...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Bản giới thiệu về nhà cung cấp;

- Báo cáo tài chính năm 2025 (*bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 nộp cho cơ quan thuế qua mạng kèm theo xác nhận của cơ quan thuế về việc đã nộp báo cáo tài chính*), trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2025 tối thiểu là: **325.248.000 VNĐ** và giá trị tài sản ròng năm 2025 của NCC > 0;

- Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là:

+ Có tính chất tương tự: Cung cấp vật tư, hàng hóa (*Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng có bao gồm cả phần dịch vụ thì chỉ được xem xét phần giá trị hàng hóa mà nhà cung cấp đã thực hiện trong hợp đồng đó*).

+ Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **120.000.000** đồng.

+ Nhà cung cấp chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin, tính xác thực của các hợp đồng đã hoàn thành được kê khai.

(Nhà cung cấp phải nộp bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của hợp đồng và kèm theo một trong các tài liệu sau đây để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành: hóa đơn (kèm theo bảng tổng hợp giá trị hoàn thành), biên bản nghiệm thu hàng hoá, biên bản thanh lý hợp đồng, ...)

4. Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

#### **Mục 4. Các yêu cầu về thương mại**

##### **1. Giá, thuế, phí, lệ phí:**

###### **a) Giá chào:**

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp phải chào cho toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp.

###### **2. Địa điểm và thời gian giao hàng:**

a) Địa điểm giao hàng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc giao hàng (nếu có).

b) Thời gian giao hàng: Không quá thời gian được quy định tại Mục 2. Tiến độ cung cấp, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

###### **3. Thanh toán:**

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán trong vòng 30 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán*

Khi hết thời hạn bảo hành Bên mua sẽ thanh toán 5% giá trị bảo hành cho Bên Bán trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao biên bản xác nhận hết thời gian bảo hành và văn bản đề nghị thanh toán. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán.*

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán do Bên bán phát hành;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa (*quy định tại phụ lục 2*);
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

#### 4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá**

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.
3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

### **Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá**

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo Mẫu số 06 - Chương III - Biểu mẫu

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: không thấp hơn **3.000.000** đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn*).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của

Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng,... theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

#### **Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá**

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

#### **Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá**

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày 18. tháng 8 năm 2026**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp Hồ sơ chào giá phải xuất trình giấy giới thiệu của nhà cung cấp cử đi nộp Hồ sơ chào giá và chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước của bản thân.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) vào hồi 10 giờ 30 phút, **18. tháng 8 năm 2026**. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

#### **Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá**

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải

bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

#### **Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá**

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, cụ thể:

a) Hồ sơ chào giá có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Mục 6, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

b) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp nhân được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục 3, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

d) Có đơn chào hàng được đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được uỷ quyền) của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

e) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào của hàng hóa, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá; Giá chào phải tuân thủ các Khoản 1, Mục 4, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về

năng lực và kinh nghiệm.

## 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

## 3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

| Stt | Nội dung đánh giá                                                                                                                                               | Đạt                                                                                                                                                                                           | Không đạt                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quy cách, đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá                                                                        | Có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng | Không có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng |
| 2   | Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá <i>(chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được quy cách, đặc tính kỹ thuật)</i> | Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ                                                                                                                                          | Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ                                                                                                                                               |
| 3   | Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp vận chuyển hàng hoá                                                                                      | Có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp                                                                                 | Không có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp                                                                                 |
| 4   | Bảo hành                                                                                                                                                        | Có thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng                                                  | Không có thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng                              |
| 5   | Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao                                                                                                                      | Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian                                                                                                                                              | Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian                                                                                                                                                 |

| Stt | Nội dung đánh giá                                                                                               | Đạt                                                                                                                                                                            | Không đạt                                                                                                                                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | hàng) hàng hóa ( <i>chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng quy cách, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ</i> ) | giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá | giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá |
| 6   | Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng                                                                | Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu                                                                                    | Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu                                                                              |

#### 4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định đơn giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

#### Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

**Ghi chú:** Mặc dù đã được quy định như trên, để đảm bảo nguồn cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng có nhiều hạng mục hoặc có một hạng mục nhưng số lượng lớn.

#### Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

*(Handwritten signatures and marks)*

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư

### **Mục 13. Hợp đồng**

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

U104  
C  
NH  
NA D  
NHÂN  
DIỆN  
(  
ON

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

### **Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật**

- Tên đơn hàng: Cung cấp bơm và phụ kiện phục vụ công tác phòng chống mưa bão.
- Số hiệu đơn hàng: 02-22062026/PV SX.
- Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa:

970.  
ĐỒNG T  
ỆT Đ  
ÔNG-  
TỔNG  
- V C T  
TCP  
- T. V

*[Handwritten signatures and marks]*

| Stt | Tên hàng hóa          | ĐVT | Số lượng | Mã/ model hàng hoá; Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                 | Thời gian bảo hành | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                   | (3) | (4)      | (5)                                                                             | (6)                | (7)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1   | Máy bơm chìm 3 pha    | Bơm | 1        | Model: CN150MT Công suất 5,5kW, 380V/50Hz, lưu lượng 120m³/h; kiểu đứng độc lập | ≥ 12 tháng         | - Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ hoặc COC hoặc Test Report);<br>- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất<br>- Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa |
| 2   | Khởi động từ 3 pha    | Cái | 1        | Chint 32A 220V NXC-32 / Contactor Chint NXC-32 15kW; 1NO+1NC                    | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3   | Rơ le nhiệt           | Cái | 1        | NXR-25 (9-13A)                                                                  | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4   | Cầu dao tự động       | Cái | 1        | MCB 3P 32A 6kA- A9F74332                                                        | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 5   | Cầu dao tự động       | Cái | 1        | MCB 2P 6A 6kA - A9F74206                                                        | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 6   | Nút ấn nhả (màu đỏ)   | Cái | 1        | Loại: XA2AA42, Ø22, 1NO +1NC                                                    | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 7   | Nút ấn nhả (màu xanh) | Cái | 1        | Loại: XA2AA31, Ø22, 1NO +1NC                                                    | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| Stt | Tên hàng hóa                            | ĐVT   | Số lượng | Mã/ model hàng hoá; Quy cách, đặc tính kỹ thuật | Thời gian bảo hành | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật |
|-----|-----------------------------------------|-------|----------|-------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                     | (3)   | (4)      | (5)                                             | (6)                | (7)                                                             |
| 8   | Công tắc chuyển mạch 3 vị trí           | Cái   | 1        | YW1S-3E01, 1NO+1NC                              | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 9   | Phao Điện Bơm Nước                      | Cái   | 1        | SHP-M15, dây điện dài 3-5m                      | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 10  | Thanh Ray nhôm cài Contact              | Thanh | 1        | NS 35/ 7 5 PERF, 1000mm                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 11  | Máng nhựa PVC đi dây điện trong tủ điện | Cây   | 1        | 25x25x2000mm                                    | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 12  | Dây cáp điện đơn                        | M     | 10       | Cadivi CV-2.5 mm2                               | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 13  | Đầu cốt chữ Y bọc nhựa                  | Cái   | 40       | SV3.5-4                                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 14  | Đầu cốt                                 | Cái   | 24       | SC6-6                                           | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 15  | Đầu cốt chữ Y bọc nhựa                  | Cái   | 40       | SV5.5-5                                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 16  | Dây cáp điện                            | M     | 70       | Cáp đồng Cu/PVC/XLPE 3x6+1x4 mm <sup>2</sup>    | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |

| Stt | Tên hàng hóa                   | ĐVT | Số lượng | Mã/ model hàng hoá; Quy cách, đặc tính kỹ thuật                               | Thời gian bảo hành | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                              |
|-----|--------------------------------|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                            | (3) | (4)      | (5)                                                                           | (6)                | (7)                                                                                                                                                                          |
| 17  | Đai ôm ống                     | Cái | 20       | Inox 304, Ø21                                                                 | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 18  | Ống nhựa PVC                   | M   | 10       | Ø21                                                                           | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 19  | Bộ Vít kèm Tắc kê Nhựa         | Bộ  | 40       | Số 4                                                                          | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 20  | Vít tự khoan đầu dù inox       | Cái | 40       | M4.2x16mm                                                                     | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 21  | Nở sắt                         | Bộ  | 8        | M6x50                                                                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 22  | Tủ điện compact AE             | Cái | 1        | 300x400x210mm Rittal – 1034500                                                | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 23  | Khớp nối nhanh (Auto Coupling) | Cái | 1        | DN150                                                                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 24  | Ống thép mạ kẽm                | m   | 6        | Φ 150                                                                         | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                                                  |
| 25  | Máy bơm chìm 3 pha             | Bơm | 1        | Model: CN80MT Công suất 3.7kW, 380V/50Hz, lưu lượng 60m³/h; kiểu đứng độc lập | ≥ 12 tháng         | - Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ hoặc COC hoặc Test Report);<br>- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung |

| Stt | Tên hàng hóa                   | ĐVT | Số lượng | Mã/ model hàng hoá; Quy cách, đặc tính kỹ thuật | Thời gian bảo hành | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật |
|-----|--------------------------------|-----|----------|-------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                            | (3) | (4)      | (5)                                             | (6)                | (7)                                                             |
|     |                                |     |          | 120x115x135mm                                   |                    |                                                                 |
| 34  | Attomat đảo chiều 3 pha        | Cái | 1        | Model: DZ47-63, C32                             | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 35  | Công tắc chuyển mạch 3 vị trí  | Cái | 1        | YW1S-3E01, 1NO+1NC                              | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 36  | Phao Điện Bơm Nước             | Cái | 1        | SHP-M15, dây điện dài 3- 5m                     | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 37  | Nở sắt                         | Bộ  | 4        | M6x50                                           | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 38  | Tủ điện compact AE             | Cái | 1        | 300x400x210mm Rittal – 1034500                  | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 39  | Khớp nối nhanh (Auto Coupling) | Cái | 1        | DN80                                            | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |
| 40  | Ống thép mạ kẽm                | m   | 6        | Φ 80                                            | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                     |

**\* Lưu ý:**

**(1) Thông số kỹ thuật:**

- Đối với các vật tư hàng hoá trong bảng trên: Đề nghị nhà cung cấp chào đúng chủng loại hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (5) trong bảng trên. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì nhà cung cấp có thể đề xuất sang vật tư,

| Stt | Tên hàng hóa          | ĐVT | Số lượng | Mã/ model hàng hoá; Quy cách, đặc tính kỹ thuật             | Thời gian bảo hành | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                   |
|-----|-----------------------|-----|----------|-------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                   | (3) | (4)      | (5)                                                         | (6)                | (7)                                                                                                                                               |
|     |                       |     |          |                                                             |                    | cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất<br>- Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa |
| 26  | Dây cáp điện          | M   | 40       | Cáp đồng Cu/PVC/XLPE 3x6+1x4 mm <sup>2</sup>                | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 27  | Cầu dao tự động       | Cái | 1        | MCB 3P 16A – A9F74316                                       | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 28  | Cầu dao tự động       | Cái | 1        | MCB 2P 6A 6kA- A9F74206                                     | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 29  | Khởi động từ 3 pha    | Cái | 1        | Contacto Chint NXC-22 220V 22A, 1NO+1NC                     | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 30  | Rơ le nhiệt           | Cái | 1        | NXR-25 (7-10A)                                              | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 31  | Nút ấn nhả (màu đỏ)   | Cái | 1        | Loại: XA2AA42, Ø22, 1NO +1NC                                | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 32  | Nút ấn nhả (màu xanh) | Cái | 1        | Loại: XA2AA31, Ø22, 1NO +1NC                                | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |
| 33  | Máy biến áp cách ly   | Cái | 1        | Công suất 400VA; 380-415VAC đầu ra 220 - 230VAC, kích thước | Không yêu cầu      | Bản cam kết                                                                                                                                       |

hàng hoá tương đương khác và phải cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác và vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp đề xuất là tương đương về “*đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ*” với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ được đánh giá là **không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật** và đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ **không được xem xét** khi đánh giá.

- Trường hợp nhà cung cấp phát hiện thông số kỹ thuật được yêu cầu tại cột (3) trong bảng trên không chính xác hoặc không theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, đề nghị nhà cung cấp chuẩn xác lại giúp thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng vẫn phải đảm bảo khối lượng theo yêu cầu của thư mời.

- Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng hóa khác hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên thì nhà cung cấp phải cung cấp: Catalogue, tài liệu kỹ thuật được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp; Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật (*đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ*) với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột (3) kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất cung cấp với hàng hóa được bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột “*Quy cách, đặc tính kỹ thuật*” để chứng minh sự tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi bên mời nhà cung cấp yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà cung cấp đề xuất được đánh giá là **không đáp ứng yêu cầu** về quy cách, đặc tính kỹ thuật và sẽ **không được xem xét** về đơn giá cho mục vật tư, hàng hoá đó.

- Trường hợp Nhà cung cấp không chào hoặc không thể hiện các thông số kỹ thuật của hàng hoá thì hàng hoá sẽ được đánh giá là **không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật** và đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ **không được xem xét khi đánh giá**.

(2) *Thời gian bảo hành*: Thời gian bảo hành tại cột (6) trong bảng trên là thời gian bảo hành được yêu cầu, đề nghị nhà cung cấp chào thời gian bảo hành là số tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá (*đơn giá của vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp chào chỉ được xem xét nếu có thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại cột (6) trong bảng trên*).

(3) *Tất cả các vật tư phụ kiện nêu trên đã được tính toán để lắp đặt phù hợp với công suất của từng loại bơm và phù hợp với tính toán phụ tải của hệ thống nguồn điện hiện tại của nhà máy ở mức tối ưu nhất. Do đó, việc thay đổi bơm có công suất lớn hơn sẽ dẫn đến việc thay đổi toàn bộ các phụ kiện và ảnh hưởng đến khả năng cung cấp của nguồn điện (gây ra quá tải đường dây, Tụt áp, chập cháy các thiết bị bảo vệ...)* và hoặc công suất thấp hơn sẽ không đạt lưu lượng yêu cầu. Vì vậy, đối với các thông số kỹ thuật về công suất và lưu lượng, nếu NCC tham gia chào giá đề xuất khác yêu cầu mà không chứng minh được tính tương đương thì hàng hoá đề xuất của NCC được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật.

## Mục 2. Tiến độ cung cấp

| Stt | Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...) | ĐVT   | Số lượng | Thời gian giao hàng | Địa điểm giao hàng                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-------|----------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                | (3)   | (4)      | (5)                 | (6)                                                                             |
| 1   | Máy bơm chìm 3 pha                                                 | Bơm   | 1        | 08 tuần             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 2   | Khởi động từ 3 pha                                                 | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 3   | Rơ le nhiệt                                                        | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 4   | Cầu dao tự động                                                    | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 5   | Cầu dao tự động                                                    | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 6   | Nút ấn nhà (màu đỏ)                                                | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 7   | Nút ấn nhà (màu xanh)                                              | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 8   | Công tắc chuyển mạch 3 vị trí                                      | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 9   | Phao Điện Bơm Nước                                                 | Cái   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 10  | Thanh Ray nhôm cài Contact                                         | Thanh | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 11  | Máng nhựa PVC đi dây điện trong tủ điện                            | Cây   | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 12  | Dây cáp điện đơn                                                   | M     | 10       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương -                                                   |

| Stt | Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...) | ĐVT | Số lượng | Thời gian giao hàng | Địa điểm giao hàng                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                | (3) | (4)      | (5)                 | (6)                                                                             |
|     |                                                                    |     |          |                     | TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)                               |
| 13  | Đầu cốt chữ Y bọc nhựa                                             | Cái | 40       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 14  | Đầu cốt                                                            | Cái | 24       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 15  | Đầu cốt chữ Y bọc nhựa                                             | Cái | 40       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 16  | Dây cáp điện                                                       | M   | 70       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 17  | Đai ôm ống                                                         | Cái | 20       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 18  | Ống nhựa PVC                                                       | M   | 10       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 19  | Bộ Vít kèm Tắc kê Nhựa                                             | Bộ  | 40       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 20  | Vít tự khoan đầu dù inox                                           | Cái | 40       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 21  | Nở sắt                                                             | Bộ  | 8        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 22  | Tủ điện compact AE                                                 | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 23  | Khớp nối nhanh (Auto Coupling)                                     | Cái | 1        | 08 tuần             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |

| Stt | Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...) | ĐVT | Số lượng | Thời gian giao hàng | Địa điểm giao hàng                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                | (3) | (4)      | (5)                 | (6)                                                                             |
| 24  | Ống thép mạ kẽm                                                    | m   | 6        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 25  | Máy bơm chìm 3 pha                                                 | Bơm | 1        | 08 tuần             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 26  | Dây cáp điện                                                       | M   | 40       | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 27  | Cầu dao tự động                                                    | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 28  | Cầu dao tự động                                                    | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 29  | Khởi động từ 3 pha                                                 | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 30  | Rơ le nhiệt                                                        | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 31  | Nút ấn nhả (màu đỏ)                                                | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 32  | Nút ấn nhả (màu xanh)                                              | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 33  | Máy biến áp cách ly                                                | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 34  | Attomat đảo chiều 3 pha                                            | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 35  | Công tắc chuyển mạch 3 vị trí                                      | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |

01042  
CÓ  
NH  
NA DƯ  
NHẢNH  
ĐIỆN  
C  
DƯƠNG

| Stt | Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...) | ĐVT | Số lượng | Thời gian giao hàng | Địa điểm giao hàng                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                | (3) | (4)      | (5)                 | (6)                                                                             |
| 36  | Phao Điện Bơm Nước                                                 | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 37  | Nở sắt                                                             | Bộ  | 4        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 38  | Tủ điện compact AE                                                 | Cái | 1        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 39  | Khớp nối nhanh (Auto Coupling)                                     | Cái | 1        | 08 tuần             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |
| 40  | Ống thép mạ kẽm                                                    | m   | 6        | 30 ngày             | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) |

*Ghi chú:* Tiến độ giao hàng nêu tại cột (5) trong bảng trên là thời gian cung cấp được yêu cầu tối đa. Trường hợp nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho hàng hoá đó sẽ không được xem xét.

7034  
:GTY  
TĐI  
NG-T  
ONGC  
UC TH  
CP  
-T.V

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

## ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là .....[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

5. Chúng tôi cam kết tham gia chào giá và thực hiện nghĩa vụ bảo đảm chào giá như sau:

Chúng tôi cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá bằng văn bản cam kết này với số tiền là: **3.000.000 đồng** [Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn].

Cam kết này có hiệu lực trong vòng..... ngày [Ghi số ngày theo yêu cầu của HSMCG, ví dụ: 90 ngày] kể từ ngày thời điểm đóng chào giá.

Chúng tôi cam kết sẽ nộp khoản tiền phạt tương đương giá trị bảo đảm dự chào giá nêu trên vào tài khoản của Bên mời chào giá nếu vi phạm một trong các trường hợp:

- + Rút hồ sơ chào giá sau thời điểm đóng chào giá khi hồ sơ vẫn còn hiệu lực.
- + Không tiến hành hoàn thiện hoặc từ chối ký kết hợp đồng khi đã trúng chào giá.
- + Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày...  
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá].

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

## BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: \_\_\_\_\_ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

| Stt | Danh mục hàng hoá                                                     | ĐVT | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm | Nhà sản xuất, xuất xứ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ) | Đơn giá trước thuế (đồng) | Thuế suất (%) | Đơn giá sau thuế (đồng)     | Thành tiền sau thuế (đồng) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-----|------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|---------------|-----------------------------|----------------------------|
| (1) | (2)                                                                   | (3) | (4)        | (5)                           | (6)                                                 | (7)                       | (8)           | $(9) = (7) * [1 + (8)/100]$ | $(10) = (4) * (9)$         |
| 1   | Hàng hoá thứ 1                                                        |     |            |                               |                                                     |                           |               |                             | M1                         |
| 2   | Hàng hoá thứ 2                                                        |     |            |                               |                                                     |                           |               |                             | M2                         |
| ... | ...                                                                   |     |            |                               |                                                     |                           |               |                             | ...                        |
| n   | Hàng hoá thứ n                                                        |     |            |                               |                                                     |                           |               |                             | Mn                         |
|     | Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) |     |            |                               |                                                     |                           |               |                             | M=M1+M2+...+Mn             |

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

## \* Lưu ý:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả

các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về giá đối với các hồ sơ chào giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 10% thì khi đánh giá về giá đối với hồ sơ chào giá của nhà cung cấp đó, Bên mời chào giá sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá không bao gồm thuế GTGT thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.



## CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

### 1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

b) Khối lượng giao nhận: Giao theo nhu cầu thực tế của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển vật tư, hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

### 2. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán:

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;

- Hóa đơn tài chính;

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;

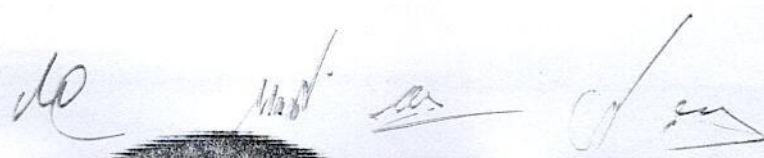
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;

- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);

- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

### 3. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.



## BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: \_\_\_\_\_ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được chào giá.

| Stt | Danh mục hàng hoá | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm | Đặc tính, thông số kỹ thuật | Nhà sản xuất | Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...) |
|-----|-------------------|-------------|------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------|---------------------------------------------|
| (1) | (2)               | (3)         | (4)        | (5)                           | (6)                         | (7)          | (8)                                         |
| 1   | Hàng hoá thứ 1    |             |            |                               |                             |              |                                             |
| 2   | Hàng hoá thứ 2    |             |            |                               |                             |              |                                             |
|     | .....             |             |            |                               |                             |              |                                             |
| n   | Hàng hoá thứ n    |             |            |                               |                             |              |                                             |

## CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

### I. Đối tượng của hợp đồng:

1. Tên hàng và khối lượng: theo nhu cầu của Bên mua; khi có nhu cầu, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng cho Bên bán.
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: theo Bản kê chi tiết danh mục hàng hóa.

### II. Hình thức hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

### III. Giá cả và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng: .....
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
3. Bộ chứng từ thanh toán:
  - Văn bản đề nghị thanh toán;
  - Hóa đơn tài chính;
  - Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
  - Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
  - Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
  - Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

### IV. Giao hàng:

1. Địa điểm giao nhận: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng - hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

2. Thời gian giao hàng: thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Đo kiểm và đếm trực tiếp.
- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.

4-00  
 Y  
 N  
 TKV  
 CÔNG TY  
 KV  
 LANG

#### 4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: thông qua nhãn mác, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng.

#### V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

#### VI. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư và được quy định cụ thể tại hợp đồng.

- Hình thức và giá trị bảo đảm bảo hành: bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá hoặc Bên mua sẽ giữ lại 5% giá trị thực hiện hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành nếu phát hiện hàng hóa do lỗi của nhà sản xuất, Bên bán phải tiến hành sửa chữa ngay cho Bên mua trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

- Trường hợp không thể khắc phục sửa chữa thì Bên bán phải thay thế bằng hàng hóa mới cho Bên mua trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

#### VII. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

b) Phạt chậm giao hàng:

- Bên bán vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên mua gây ra, thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 0.1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao hàng chậm, nhưng toàn bộ số tiền phạt chậm không được vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên bán vi phạm không thực hiện toàn bộ hoặc không thực hiện một phần của hợp đồng (không giao hoặc giao hàng không đúng số lượng, chủng loại) theo quy định thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

**VIII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:**

Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trước khi sử dụng và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên mua trong quá trình thi công, lắp đặt hàng hóa do Bên bán cung cấp (khi có yêu cầu của Bên mua).